

Bản án số: 114/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Anh

Ông Lê Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Văn P - Sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Phùng Thị S - Sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Tô Văn P và bà Phùng Thị S thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Ông Tô Văn P và bà Phùng Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng không hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân hơn 07 năm nay. Nay nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, ông P yêu cầu được ly hôn với bà S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Tô Hữu Cảnh sinh năm 1998 và Tô Văn Cảnh sinh năm 2000, con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông P và bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông P và bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc nên ông P và bà S xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Tô Văn P và bà Phùng Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Ông P khai quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng không hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân hơn 07 năm nay. Nay nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, ông P yêu cầu được ly hôn với bà S.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay ông, bà đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Tô Hữu Cảnh sinh năm 1998 và Tô Văn Cảnh sinh năm 2000, con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ông P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tô Văn P và bà Phùng Thị S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tô Văn P phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002980 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Ảnh

Lê Văn Chuộng

Lâm Ngọc Trâm

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Trâm

